

THÔNG TƯ

Quy định về đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 và Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch và tài chính,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định một số nội dung về thẩm quyền, phân cấp, ủy quyền quyết định, phê duyệt trong hoạt động đầu tư, mua sắm; thực hiện hoạt động đầu tư, mua sắm; cấp phát, theo dõi tài sản, hàng hóa; cấp phát, thanh toán kinh phí mua sắm; kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân.

2. Thông tư này không điều chỉnh:

a) Việc đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình; việc quản lý, cấp phát thanh toán, quyết toán vốn, kinh phí của dự án mua sắm;

b) Việc đầu tư, mua sắm sử dụng nguồn vốn doanh nghiệp và quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập trong Công an nhân dân;

c) Việc mua vật tư, nguyên vật liệu, dịch vụ để sản xuất không thuộc trường hợp được cơ quan, người có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng sản xuất.

3. Các nội dung về đầu tư, mua sắm chưa được quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công; đấu thầu; ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công an các đơn vị, địa phương, gồm:

a) Cơ quan Bộ Công an;

b) Công an tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Công an cấp tỉnh);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở sản xuất trong Công an nhân dân.

2. Tổ chuyên gia, hội đồng thẩm định, tổ thẩm định, nhà thầu và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hàng hóa, dịch vụ trong Công an nhân dân* là hàng hoá, dịch vụ được đầu tư, mua sắm phục vụ công tác, chiến đấu và các nhiệm vụ khác của lực lượng Công an nhân dân, bao gồm hàng hoá thuộc danh mục tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý và các hàng hóa (bao gồm cả thuốc, hoá chất, vật tư, thiết bị y tế), dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. *Dự toán mua sắm chi tiết* là tài liệu đề xuất nhu cầu mua sắm khi không lập dự án đầu tư, bao gồm các nội dung về: chủng loại, danh mục hàng hóa, dịch vụ, số lượng, đơn giá, tổng kinh phí, nguồn kinh phí, yêu cầu kỹ thuật cơ bản, đối tượng thụ hưởng và nội dung khác để triển khai thực hiện mua sắm.

3. *Đơn vị mua sắm* là Công an các đơn vị, địa phương được giao vốn, kinh phí để tổ chức mua sắm.

4. *Cơ sở sản xuất trong Công an nhân dân* gồm doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ sở sản xuất khác thuộc Công an các đơn vị, địa

phương được cơ quan, người có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng sản xuất, gia công sản phẩm phục vụ nhiệm vụ an ninh.

Điều 4. Nguyên tắc đầu tư, mua sắm

1. Hoạt động đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công, đấu thầu, quản lý, sử dụng tài sản công, ngân sách nhà nước và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Việc thực hiện hoạt động đầu tư, mua sắm phải đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; phù hợp với chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế và dự toán của dự án đầu tư, dự toán mua sắm chi tiết, kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có), kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.

3. Không được chia nhỏ dự án đầu tư, dự toán mua sắm, gói thầu trái quy định của pháp luật nhằm mục đích thay đổi thẩm quyền phê duyệt, chỉ định thầu, hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

4. Tổ chức mua sắm phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch vốn, kinh phí được giao, kế hoạch thu, chỉ được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với mua thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế sử dụng nguồn thu hoạt động sự nghiệp của bệnh viện).

5. Bảo đảm công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình; phù hợp với tiêu chuẩn, định mức trang bị, nhu cầu sử dụng thực tế; đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu của lực lượng Công an nhân dân.

6. Chỉ mua sắm hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu và các nhiệm vụ khác của lực lượng Công an nhân dân.

7. Thủ trưởng đơn vị mua sắm được phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư, mua sắm chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Công an về các quyết định của mình. Người được ủy quyền quyết định đầu tư, mua sắm không được ủy quyền tiếp.

Điều 5. Nguồn vốn, kinh phí mua sắm

1. Vốn đầu tư phát triển.
2. Kinh phí thường xuyên.
3. Kinh phí dự trữ quốc gia.
4. Kinh phí đặc biệt.
5. Vốn, kinh phí địa phương hỗ trợ.
6. Vốn, kinh phí hợp pháp khác.

Điều 6. Các hoạt động đầu tư, mua sắm

1. Mua sắm theo dự án đầu tư:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, trừ trường hợp không phải thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định;

b) Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư;

- c) Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có);
 - d) Lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế chi tiết, dự toán (đối với dự án hoặc hạng mục đầu tư có thiết kế 2 bước);
 - đ) Lựa chọn nhà thầu; ký kết, thực hiện hợp đồng;
 - e) Cấp phát, theo dõi tài sản, hàng hóa mua sắm;
 - g) Kiểm soát, cấp phát, thanh toán.
2. Mua sắm theo dự toán:
- a) Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán mua sắm chi tiết;
 - b) Lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
 - c) Lựa chọn nhà thầu; ký kết, thực hiện hợp đồng;
 - d) Cấp phát, theo dõi tài sản, hàng hóa mua sắm;
 - đ) Kiểm soát, cấp phát, thanh toán.

Điều 7. Thực hiện đầu tư, mua sắm đối với dự án đầu tư, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin

1. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, phê duyệt thiết kế chi tiết, dự toán của dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và các nội dung khác đối với dự án đầu tư, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 8 Thông tư này.

2. Ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, các nội dung khác liên quan đến dự án đầu tư, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, quy định của Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

THẨM QUYỀN, PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, PHÊ DUYỆT TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, MUA SẮM

Điều 8. Mua sắm theo dự án

1. Bộ trưởng Bộ Công an:

- a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C theo quy định pháp luật về đầu tư công và quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C; trừ trường hợp phân cấp, ủy quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật về đấu thầu.

2. Thủ trưởng đơn vị mua sắm:

a) Quyết định đầu tư dự án có tổng mức đầu tư và tổng kinh phí Bộ Công an giao dưới 90 tỷ đồng; quyết định đầu tư các dự án khác khi được Bộ trưởng Bộ Công an giao, ủy quyền;

b) Phê duyệt thiết kế chi tiết, dự toán của dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C;

c) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và các nội dung khác thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Đối với dự án mua sắm sử dụng 100% vốn, kinh phí địa phương hỗ trợ: trường hợp mua sắm hàng hoá thuộc danh mục tài sản chuyên dùng có đơn giá trên 500 triệu đồng, hàng hoá thuộc danh mục tài sản đặc biệt, Giám đốc Công an cấp tỉnh báo cáo xin ý kiến Bộ Công an theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư này trước khi cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án đối với dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 9. Mua sắm theo dự toán

1. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc mua sắm, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 2, cấp 3 trực tiếp quan hệ với đơn vị dự toán cấp 1 quyết định việc mua sắm trong dự toán ngân sách hằng năm được Bộ Công an giao trừ các trường hợp sau:

a) Mua sắm hàng hóa thuộc danh mục mua sắm tập trung;

b) Mua sắm hàng hoá có tổng dự toán từ 90 tỷ đồng trở lên;

c) Trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 3 quan hệ trực tiếp với đơn vị dự toán cấp 2 và thủ trưởng các đơn vị khác quyết định việc mua sắm trong phạm vi dự toán được đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp giao hoặc ủy quyền.

4. Giám đốc bệnh viện trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc bệnh viện trực thuộc Công an cấp tỉnh quyết định việc mua thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế từ nguồn tài chính hợp pháp của đơn vị, phù hợp với mức độ tự chủ tài chính, kế hoạch tài chính hoặc dự toán thu, chi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Người đứng đầu cơ sở sản xuất trong Công an nhân dân quyết định việc mua sắm vật tư, nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất, gia công sản phẩm phục vụ nhiệm vụ an ninh được cơ quan, người có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng sản xuất, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Đối với mua sắm hàng hóa sử dụng 100% kinh phí địa phương hỗ trợ: trường hợp mua sắm hàng hoá thuộc danh mục tài sản chuyên dùng có đơn giá trên 500 triệu đồng, hàng hoá thuộc danh mục tài sản đặc biệt, Giám đốc Công an cấp tỉnh báo cáo xin ý kiến Bộ Công an theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 14 Thông tư này trước khi cấp có thẩm quyền quyết định mua sắm.

Mục 2

CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, DỰ ÁN ĐẦU TƯ, THIẾT KẾ VÀ DỰ TOÁN CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, DỰ TOÁN MUA SẮM, KẾ HOẠCH TỔNG THỂ LỰA CHỌN NHÀ THẦU, KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 10. Chủ trương đầu tư

1. Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an và Công an cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu và đăng ký danh mục dự án đầu tư công trung hạn theo hướng dẫn của Bộ Công an gửi Cục Kế hoạch và tài chính để báo cáo lãnh đạo Bộ Công an xem xét, cho ý kiến chỉ đạo. Khi được cấp có thẩm quyền đồng ý, Cục Kế hoạch và tài chính thông báo đề Công an các đơn vị, địa phương lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

b) Trường hợp phát sinh nhu cầu đầu tư quan trọng, cấp bách sau thời điểm kế hoạch đầu tư công trung hạn của Bộ Công an được duyệt, Công an các đơn vị, địa phương đăng ký bổ sung danh mục dự án đầu tư công gửi Cục Kế hoạch và tài chính để báo cáo lãnh đạo Bộ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo. Khi được cấp có thẩm quyền đồng ý, Cục Kế hoạch và tài chính thông báo đề Công an các đơn vị, địa phương lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

2. Căn cứ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Quy hoạch ngành quốc gia, chương trình, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

b) Thông báo của Cục Kế hoạch và tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Thực trạng trang thiết bị hiện có;

d) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị; yêu cầu nhiệm vụ công tác, chiến đấu thực tế;

đ) Tài liệu thuyết minh cơ sở xác định sơ bộ tổng mức đầu tư.

3. Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công và quy định pháp luật khác có liên quan.

Nội dung đề xuất về phương án thiết kế được tích hợp trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Một dự án có thể áp dụng đồng thời hai phương án thiết kế (thiết kế một bước, thiết kế hai bước theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 Thông tư này) để phù hợp với nội dung đầu tư; trường hợp áp dụng hai phương án thiết kế, phải đề xuất rõ phương án thiết kế tương ứng với hạng mục đầu tư cụ thể.

4. Điều chỉnh, dừng chủ trương đầu tư được thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 11. Dự án đầu tư

1. Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Điều chỉnh dự án đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Đối với dự án quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Thông tư này:

a) Trường hợp hạng mục đầu tư của dự án có yêu cầu đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống kỹ thuật nghiệp vụ trong Công an nhân dân, Công an các đơn vị, địa phương lấy ý kiến đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công an về nội dung thiết kế của hạng mục đó trước khi cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư;

b) Các đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.

Điều 12. Thiết kế dự án

1. Thiết kế một bước là thiết kế chi tiết, được tích hợp trong báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và được áp dụng với dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

2. Thiết kế hai bước:

a) Gồm thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết. Thiết kế cơ sở được tích hợp trong báo cáo nghiên cứu khả thi dự án. Thiết kế chi tiết được lập sau khi dự án được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư và phù hợp với các nội dung, thông số chủ yếu của thiết kế cơ sở của dự án được phê duyệt;

b) Thiết kế hai bước áp dụng với dự án có tổng giá trị các hạng mục yêu cầu lắp đặt, thiết lập hệ thống từ 90 tỷ đồng trở lên (bao gồm cả giá trị thiết bị, phần mềm, các dịch vụ liên quan) và các trường hợp khác người có thẩm quyền quyết định đầu tư thấy cần thiết, yêu cầu phải thiết kế hai bước.

3. Đối với thiết kế chi tiết do chủ đầu tư phê duyệt, trường hợp có yêu cầu đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống kỹ thuật nghiệp vụ trong Công an nhân dân, chủ đầu tư lấy ý kiến đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công an trước khi phê duyệt.

4. Điều chỉnh thiết kế dự án: thiết kế dự án được điều chỉnh khi nội dung thiết kế đã được duyệt không còn phù hợp với điều kiện thực tế hoặc xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn từ việc điều chỉnh. Đơn vị đề xuất điều chỉnh thiết kế phải bảo cáo rõ lý do điều chỉnh, so sánh và phân tích sự phù hợp và tính hiệu quả của phương án điều chỉnh so với nội dung đã được duyệt trước đó, đồng thời đề xuất các giải pháp bảo đảm tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 13. Dự toán của dự án

1. Dự toán của dự án được lập, thẩm định, trình và phê duyệt đồng thời với thiết kế chi tiết của dự án.

2. Nguyên tắc lập dự toán của dự án:

a) Bảo đảm nguyên tắc đầu tư, mua sắm theo Điều 4 Thông tư này;

b) Dự toán riêng thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có);

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu, giá dự toán là giá CIF hoặc CIP (không bao gồm thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng) và chi phí thực hiện hợp đồng (đã bao gồm đủ các khoản thuế, phí theo quy định), được tính bằng đồng Việt Nam, có quy đổi ra ngoại tệ tương đương theo tỷ giá tại thời điểm lập dự toán của dự án;

Đối với hàng hóa, dịch vụ mua sắm trong nước (gồm hàng hóa, dịch vụ được sản xuất, gia công trong nước; hàng hóa, dịch vụ được sản xuất, gia công ở nước ngoài và được chào bán tại Việt Nam), giá dự toán bao gồm đủ các khoản thuế, phí theo quy định, được tính bằng đồng Việt Nam;

Đối với phương tiện vận tải chuyên dùng thuộc danh mục phương tiện trong nước đã sản xuất được nhưng do yêu cầu công tác nghiệp vụ cần phải mua nhập khẩu thì dự toán đủ thuế, phí theo quy định pháp luật.

d) Nội dung dự toán của dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Điều chỉnh dự toán của dự án: dự toán của dự án được điều chỉnh khi điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án; khi có nội dung trong dự toán đã được duyệt không còn phù hợp với điều kiện thực tế hoặc các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

4. Đối với dự án sử dụng 100% vốn, kinh phí địa phương hỗ trợ:

a) Trường hợp dự án đầu tư mua sắm hàng hoá thuộc danh mục tài sản chuyên dùng có đơn giá trên 500 triệu đồng, hàng hoá thuộc danh mục tài sản đặc biệt, Giám đốc Công an cấp tỉnh báo cáo Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) để cho ý kiến về chủ trương như sau:

Công an cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu, báo cáo Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) về các nội dung: danh mục, số lượng, đơn giá, đối tượng thụ hưởng; tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản, giải pháp kỹ thuật và công nghệ (nếu có) đối với hàng hóa thuộc danh mục tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng.

Hồ sơ báo cáo Bộ Công an gồm: văn bản báo cáo xin ý kiến, trong đó có nội dung thuyết minh về sự cần thiết phải mua sắm, trang bị (thông kê, đánh giá thực trạng trang bị, thực trạng địa điểm dự kiến triển khai lắp đặt thiết bị; nhu cầu đầu tư; kết quả đối chiếu với tiêu chuẩn, định mức trang bị; đề xuất danh mục, số lượng, đơn giá và đối tượng trang bị của từng danh mục); các tài liệu kèm theo gồm: quyết định hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền của địa phương về việc hỗ trợ vốn, kinh phí; tài liệu làm căn cứ để xuất đơn giá dự toán theo một trong các cách thức: kết quả thẩm định giá, giá hợp đồng tương tự, báo giá, giá niêm yết, giá kê khai và cách thức khác theo quy định pháp luật; tài liệu về giá phải thể hiện tính năng, tác dụng, cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản, xuất xứ, ký hiệu, mã hiệu của hàng hóa.

Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo lãnh đạo Bộ Công an phụ trách lĩnh vực kế hoạch, tài chính xem xét, cho ý kiến. Sau khi được lãnh đạo Bộ Công an cho ý kiến về chủ trương, Cục Kế hoạch và tài chính thông báo tới Công an cấp tỉnh phối hợp với đơn vị có liên quan để thực hiện;

b) Đối với hàng hóa không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Giám đốc Công an cấp tỉnh chủ động phối hợp với đơn vị liên quan thực hiện theo quy định, bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng, đáp ứng yêu cầu công tác, tiết kiệm, hiệu quả;

c) Giám đốc Công an cấp tỉnh báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính và đơn vị có liên quan) sau khi nghiệm thu hàng hóa để quản lý, theo dõi.

Điều 14. Dự toán mua sắm chi tiết

1. Dự toán mua sắm chi tiết được lập bảo đảm nguyên tắc theo khoản 2 Điều 13 Thông tư này; đơn giá dự toán phải phù hợp với yêu cầu, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa, dịch vụ dự kiến mua sắm.

2. Căn cứ lập dự toán mua sắm chi tiết:

a) Thông báo chỉ tiêu kinh phí mua sắm; trường hợp chưa có thông báo chỉ tiêu kinh phí nhưng cần mua sắm để đáp ứng yêu cầu cấp bách phục vụ công

tác, chiến đấu phải được người có thẩm quyền cho phép triển khai các thủ tục mua sắm; kế hoạch thu, chi hoạt động sự nghiệp của bệnh viện đối với việc mua thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế;

b) Các tài liệu làm căn cứ thuyết minh dự toán mua sắm chi tiết, gồm các tài liệu về nội dung: thực trạng trang bị hiện có; tiêu chuẩn, định mức trang bị; yêu cầu, nhiệm vụ công tác; các tài liệu làm căn cứ để xuất chủng loại, danh mục hàng hóa, dịch vụ, đơn giá, yêu cầu, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản, đối tượng thụ hưởng.

3. Nội dung dự toán mua sắm chi tiết:

a) Biểu dự toán mua sắm chi tiết gồm các đề xuất về: chủng loại, danh mục; số lượng, đơn giá, thành tiền, tổng dự toán, yêu cầu kỹ thuật cơ bản, đối tượng thụ hưởng, nguồn hàng;

b) Bản thuyết minh dự toán mua sắm gồm các nội dung: sự cần thiết phải mua sắm (phân tích thực trạng; nhu cầu thực tế; đối chiếu với tiêu chuẩn, định mức; danh mục, số lượng đề xuất mua sắm); tính năng, tác dụng, thông số kỹ thuật cơ bản của từng danh mục hàng hóa; sơ đồ bản vẽ, giải pháp thiết kế thi công trong trường hợp mua hệ thống kỹ thuật; thuyết minh đơn giá dự toán.

4. Điều chỉnh dự toán mua sắm chi tiết: trường hợp cần điều chỉnh nội dung thuộc danh mục, dự toán mua sắm chi tiết đã được phê duyệt, đơn vị đề xuất điều chỉnh dự toán mua sắm rà soát và lập báo cáo, kèm các tài liệu làm căn cứ đề xuất điều chỉnh, bảo đảm nguyên tắc tổng giá trị mua sắm sau điều chỉnh không vượt quá tổng kinh phí mua sắm được thông báo.

5. Đối với mua sắm sử dụng 100% kinh phí địa phương hỗ trợ:

a) Trường hợp mua sắm hàng hoá thuộc danh mục tài sản chuyên dùng có đơn giá trên 500 triệu đồng, hàng hoá thuộc danh mục tài sản đặc biệt, Giám đốc Công an cấp tỉnh báo cáo xin ý kiến Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) về chủ trương. Nội dung và hồ sơ báo cáo thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư này.

Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo lãnh đạo Bộ Công an phụ trách lĩnh vực kế hoạch, tài chính xem xét, cho ý kiến. Sau khi được lãnh đạo Bộ Công an cho ý kiến về chủ trương, Cục Kế hoạch và tài chính thông báo tới Công an cấp tỉnh phối hợp với đơn vị có liên quan để thực hiện;

b) Đối với hàng hóa không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Giám đốc Công an cấp tỉnh chủ động phối hợp với đơn vị liên quan thực hiện theo quy định, bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng, đáp ứng yêu cầu công tác, tiết kiệm, hiệu quả;

c) Công an cấp tỉnh báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính và đơn vị có liên quan) sau khi nghiệm thu hàng hoá để quản lý, theo dõi.

Điều 15. Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

Việc lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu, cụ thể như sau:

1. Căn cứ vào quy mô, tính chất của dự án, chủ đầu tư hoặc cơ quan chuẩn bị dự án bảo cáo người có thẩm quyền xem xét, chấp thuận chủ trương lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

2. Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu được lập đồng thời hoặc sau khi dự án được quyết định đầu tư.

Điều 16. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Nguyên tắc, căn cứ pháp lý lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu và quy định pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp cần điều chỉnh một hoặc một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, phê duyệt đối với nội dung có sự điều chỉnh.

2. Hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu. Đối với gói thầu có chứa thông tin thuộc bí mật nhà nước được áp dụng hình thức chỉ định thầu để bảo vệ bí mật nhà nước, chủ đầu tư có trách nhiệm xác định, đề xuất và thực hiện việc bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

3. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với mỗi gói thầu là số ngày tính từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu (bao gồm cả thời gian thẩm định nếu có). Trường hợp hủy thầu hoặc xử lý tình huống theo quy định pháp luật về đấu thầu, chủ đầu tư không phải phê duyệt điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt.

Mục 3

THẨM ĐỊNH, TRÌNH DUYỆT ĐẦU TƯ, MUA SẮM

Điều 17. Hình thức tổ chức thẩm định

1. Việc tổ chức thẩm định trong đầu tư, mua sắm được thực hiện theo các hình thức:

- a) Cơ quan thẩm định;
- b) Hội đồng thẩm định, tổ thẩm định.

2. Các trường hợp thẩm định theo hình thức cơ quan thẩm định:

a) Chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế chi tiết và dự toán của dự án đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Dự toán mua sắm chi tiết;

c) Các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của chủ đầu tư theo quy định pháp luật về đấu thầu, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

3. Các trường hợp thẩm định theo hình thức hội đồng thẩm định, tổ thẩm định:

a) Chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia và chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ (thẩm định nội bộ trong Công an nhân dân);

b) Thủ trường đơn vị mua sắm được thành lập tổ thẩm định để thực hiện thẩm định các nội dung do mình quyết định.

4. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, căn cứ tình hình thực tế, đơn vị chủ trì thẩm định được lựa chọn hình thức thẩm định hoặc đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn hình thức thẩm định quy định tại khoản 1 Điều này để đáp ứng yêu cầu về tiến độ, hiệu quả trong công tác đầu tư, mua sắm.

Điều 18. Cơ quan thẩm định

1. Cơ quan chủ trì thẩm định quyết định việc lấy ý kiến của các cơ quan liên quan trong và ngoài ngành Công an nhân dân hoặc thuê tư vấn thẩm tra trong quá trình thẩm định, chịu trách nhiệm về công tác tổ chức thẩm định và kết quả thẩm định.

2. Cơ quan phối hợp thẩm định nghiên cứu, có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì; chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định của mình.

Điều 19. Hội đồng thẩm định

1. Nguyên tắc thẩm định theo hình thức Hội đồng thẩm định:

a) Hội đồng thẩm định làm việc theo chế độ tập thể, kiêm nhiệm, quyết định theo đa số, cả nhân chịu trách nhiệm. Chủ tịch Hội đồng thẩm định thông qua kết luận;

b) Các phiên họp Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Hội đồng triệu tập phải có ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt;

c) Trường hợp Hội đồng thẩm định không tổ chức họp, Chủ tịch Hội đồng quyết định và giao Thư ký Hội đồng lấy ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng bằng văn bản đề tổng hợp báo cáo Chủ tịch Hội đồng;

d) Trong quá trình thẩm định, Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định việc thành lập tổ giúp việc và báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép thuê tư vấn thẩm tra, lấy ý kiến tham gia của chuyên gia, cơ quan có liên quan trong và ngoài ngành Công an nhân dân.

2. Thánh phần, tiêu chuẩn thánh viên Hội đồng thẩm định:

a) Thành phần Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên đại diện các cơ quan liên quan;

b) Thành viên Hội đồng thẩm định phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác về lĩnh vực kế hoạch, tài chính, kỹ thuật và các lĩnh vực khác liên quan đến nội dung thẩm định. Đối với thẩm định đấu thầu, thành viên Hội đồng phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu; cả nhân tham gia tổ chuyên gia không đồng thời tham gia Hội đồng thẩm định của cùng một gói thầu.

3. Quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thẩm định:

a) Chủ trì các phiên họp thẩm định;

b) Ký Báo cáo kết quả thẩm định;

c) Quyết định các vấn đề khác có liên quan đến hoạt động của Hội đồng;

d) Chịu trách nhiệm về công tác tổ chức thẩm định và kết quả thẩm định của Hội đồng.

4. Quyền và trách nhiệm của Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định (nếu có):

a) Chủ trì họp thẩm định, ký Báo cáo kết quả thẩm định khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền;

b) Thực hiện quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng.

5. Quyền và trách nhiệm của Thư ký Hội đồng thẩm định:

a) Tham mưu, giúp Hội đồng trong việc tổ chức thẩm định (tiếp nhận và gửi tài liệu liên quan đến công tác thẩm định; tổng hợp ý kiến thẩm định của các thánh viên Hội đồng; chuẩn bị tài liệu họp và ghi biên bản họp Hội đồng; dự thảo Báo cáo thẩm định xin ý kiến Hội đồng đề Chủ tịch Hội đồng báo cáo cấp có thẩm quyền; thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác thẩm định khi được Chủ tịch Hội đồng giao);

b) Thực hiện quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng thẩm định.

6. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng thẩm định:

a) Nghiên cứu hồ sơ, có ý kiến thẩm định bằng văn bản và gửi Chủ tịch Hội đồng đúng thời hạn;

b) Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng thẩm định;

c) Được quyền báo lưu và chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định của mình.

Điều 20. Tổ chức thẩm định các nội dung Bộ trưởng Bộ Công an quyết định

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định chủ trương đầu tư gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định;

b) Văn bản có ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Công an (đối với các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an là ý kiến của lãnh đạo Bộ Công an phụ trách đơn vị; đối với Công an cấp tỉnh là ý kiến của lãnh đạo Bộ Công an phụ trách lĩnh vực kế hoạch, tài chính) về nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

c) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (trong đó, thuyết minh rõ về sự cần thiết phải đầu tư, quy mô đầu tư; thống kê, đánh giá thực trạng trang bị, thực trạng địa điểm dự kiến triển khai lắp đặt thiết bị; nhu cầu đầu tư; kết quả đối chiếu với tiêu chuẩn, định mức trang bị; đề xuất danh mục, số lượng và đối tượng trang bị của từng danh mục; tài liệu làm căn cứ đề xuất đơn giá dự toán để xác định sơ bộ tổng mức đầu tư theo một trong các cách thức: kết quả thẩm định giá, giá hợp đồng tương tự, báo giá, giá niêm yết, giá kê khai và cách thức khác theo quy định pháp luật; tài liệu về giá phải thể hiện tính năng, tác dụng, cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản, xuất xứ, ký hiệu, mã hiệu của hàng hóa);

d) Văn bản của địa phương về việc bố trí, hỗ trợ vốn, kinh phí (nếu có);

đ) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định dự án đầu tư gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định;

b) Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (nếu có);

c) Báo cáo nghiên cứu khả thi;

d) Các tài liệu làm căn cứ để xuất thiết kế, dự toán;

đ) Các tài liệu khác (nếu có).

Trường hợp đề nghị thẩm định dự án đầu tư sau 06 tháng kể từ ngày chủ trương đầu tư được duyệt hoặc các tài liệu làm căn cứ xác định sơ bộ tổng mức đầu tư hết hiệu lực, chủ đầu tư phải xây dựng đơn giá dự toán để xác định tổng mức đầu tư theo điểm c khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định dự toán mua sắm chi tiết gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định;

b) Dự toán mua sắm chi tiết và tài liệu làm căn cứ đề xuất đơn giá dự toán theo điểm c khoản 1 Điều này.

4. Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị thẩm định, Cục Kế hoạch và tài chính kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và có văn bản đề nghị đơn vị mua sắm bổ sung tài liệu trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Sau khi nhận hồ sơ đề nghị thẩm định hợp lệ, Cục Kế hoạch và tài chính tổ chức thẩm định, có văn bản đề nghị chủ đầu tư tiếp thu, giải trình (nếu có) và hoàn thiện hồ sơ thẩm định.

Đối với trường hợp thẩm định theo hình thức Hội đồng: Cục Kế hoạch và tài chính báo cáo lãnh đạo Bộ thành lập Hội đồng để tổ chức thẩm định.

Đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, Cục Công nghệ thông tin chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết đối với dự án có thiết kế một bước; trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thẩm định, gửi kết quả thẩm định cho Cục Kế hoạch và tài chính để tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ thẩm định. Trường hợp Cục Công nghệ thông tin đồng thời là chủ đầu tư thì Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết đối với dự án có thiết kế một bước.

5. Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không bao gồm thời gian nghiên cứu, giải trình của đơn vị đề nghị thẩm định:

a) Thời gian thẩm định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư và thiết kế, dự toán của dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Thẩm định dự toán mua sắm chi tiết: không quá 30 ngày.

6. Nội dung thẩm định:

a) Thẩm định chủ trương đầu tư bao gồm: kiểm tra sự phù hợp, đầy đủ về nội dung của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; sự phù hợp với tiêu chuẩn, định mức trang bị, nhu cầu sử dụng thực tế (trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn, định mức trang bị); sự phù hợp của phương án thiết kế theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này; các nội dung khác theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Thẩm định dự án đầu tư bao gồm: kiểm tra sự phù hợp, đầy đủ về nội dung của báo cáo nghiên cứu khả thi; các nội dung khác theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

c) Thẩm định thiết kế, dự toán của dự án bao gồm: kiểm tra việc thực hiện quy định tại Điều 12, Điều 13 Thông tư này; các nội dung khác theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

d) Thẩm định dự toán mua sắm chi tiết: kiểm tra tính đầy đủ, phù hợp và khả thi của các nội dung được đề xuất trong dự toán mua sắm chi tiết theo Điều 14 Thông tư này.

Điều 21. Thẩm định các nội dung Thủ trưởng đơn vị mua sắm quyết định

1. Trách nhiệm thẩm định: Thủ trưởng đơn vị mua sắm giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc thành lập hội đồng thẩm định hoặc tổ thẩm định để tổ chức thẩm định trước khi phê duyệt.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định:

a) Hồ sơ đề nghị thẩm định dự án đầu tư, thẩm định dự toán mua sắm chi tiết thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 20 Thông tư này.

b) Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán dự án gồm: văn bản đề nghị thẩm định; quyết định phê duyệt đầu tư; hồ sơ thiết kế chi tiết và dự toán dự án; các tài liệu làm căn cứ đề xuất thiết kế chi tiết (bao gồm cả kết quả khảo sát thực địa) và dự toán để xác định tổng dự toán; các tài liệu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Trường hợp đề nghị thẩm định dự toán của dự án đầu tư sau 06 tháng kể từ ngày dự án đầu tư được duyệt hoặc các tài liệu làm căn cứ xác định tổng mức đầu tư hết hiệu lực, chủ đầu tư phải xây dựng đơn giá dự toán theo điểm c khoản 1 Điều 20 Thông tư này.

c) Hồ sơ thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu.

3. Nội dung thẩm định dự án đầu tư, thiết kế chi tiết và dự toán của dự án đầu tư, dự toán mua sắm chi tiết thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Thông tư này. Nội dung thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu.

4. Thời gian thẩm định các nội dung thuộc khoản 3 Điều này thực hiện theo khoản 5 Điều 20 Thông tư này. Thời gian thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có): không quá 20 ngày.

Điều 22. Trình duyệt trong đầu tư, mua sắm

1. Đối với chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia và chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ: căn cứ kết quả thẩm định nội bộ trong Công an nhân dân, đơn vị được giao lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trình duyệt các nội dung Bộ trưởng Bộ Công an quyết định:

a) Đối với chủ trương đầu tư: căn cứ kết quả thẩm định, đơn vị được giao lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn thiện hồ sơ gửi Cục Kế hoạch và tài chính tổng hợp, xin ý kiến lãnh đạo Bộ Công an phụ trách kế hoạch, tài chính trước khi trình Bộ trưởng quyết định hoặc trình lãnh đạo Bộ Công an được Bộ trưởng phân công quyết định. Đối với trường hợp phải báo cáo xin ý kiến Ban thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, Cục Kế hoạch và tài chính báo cáo và tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Công an hoặc lãnh đạo Bộ Công an được Bộ trưởng phân công quyết định;

b) Đối với dự án đầu tư; dự toán mua sắm chi tiết; kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu: căn cứ kết quả thẩm định (nếu có), đơn vị mua sắm hoàn thiện hồ sơ và trình lãnh đạo Bộ Công an quyết định (các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an báo cáo lãnh đạo Bộ Công an phụ trách đơn vị; Giám đốc Công an cấp tỉnh báo cáo lãnh đạo Bộ Công an phụ trách lĩnh vực kế hoạch, tài chính).

Trong quá trình hoán thiện hồ sơ, nếu có nội dung chưa thống nhất với kết quả thẩm định, đơn vị mua sắm trao đổi với Cục Kế hoạch và tài chính để thống nhất trước khi trình duyệt theo quy định.

3. Trình duyệt các nội dung Thủ trưởng đơn vị mua sắm quyết định: đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ hoán thiện hồ sơ trình duyệt theo quy định.

Mục 4

LỰA CHỌN NHÀ THẦU; CẤP PHÁT, THEO DÕI TÀI SẢN, HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA SẮM

Điều 23. Lựa chọn nhà thầu; thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Thời gian phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà thầu: không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt;

b) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu.

2. Để tổ chức lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư quyết định thành lập tổ chuyên gia, hoặc chỉ định đơn vị trực thuộc, giao cho đơn vị thanh toán trực thuộc hoặc lựa chọn đơn vị tư vấn đấu thầu trong trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu để thực hiện một số nhiệm vụ của đơn vị mua sắm; chỉ định 01 đơn vị trực thuộc có năng lực, kinh nghiệm hoặc thành lập tổ thẩm định hoặc lựa chọn nhà thầu tư vấn trong trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu để thẩm định những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định.

3. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá bán do Nhà nước định giá cụ thể theo quy định của pháp luật về giá, đơn vị mua sắm được tự quyết định việc mua sắm trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trước cơ quan chức năng có thẩm quyền.

4. Hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ; trường hợp quy định xuất xứ không bao gồm Việt Nam thì hàng hóa có xuất xứ Việt Nam vẫn được xem xét, đánh giá và được hưởng ưu đãi. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa tổ chức đấu thầu trong nước mà có ít nhất 03 hãng sản xuất cho 01 mặt hàng xuất xứ Việt Nam đáp ứng về kỹ thuật, chất lượng và giá, chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam.

5. Khi trình duyệt danh sách ngắn mời tham gia đấu thầu hạn chế hoặc danh sách nhà thầu dự kiến mời nhận hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu, đơn vị, tổ chức trình bày thuyết minh rõ cơ sở đề xuất để chủ đầu tư xem xét, quyết định.

6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu nêu rõ: danh mục, chủng loại, số lượng, nhãn hiệu, mã hiệu, năm sản xuất, cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản, xuất xứ của hàng hóa trúng thầu, đơn giá trúng thầu, tổng giá trị trúng thầu, các loại thuế, phí (nếu có), tên và địa chỉ nhà thầu trúng thầu.

Điều 24. Ký kết, sửa đổi hợp đồng

1. Việc ký kết hợp đồng, sửa đổi hợp đồng phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về đấu thầu và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến khi các bên tham gia hợp đồng hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng. Trong hợp đồng phải quy định cụ thể thời gian thực hiện gói thầu, thời gian thực hiện hợp đồng và mốc thời gian hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng.

3. Hiệu lực của hợp đồng được tính từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực đến thời điểm các bên tham gia hợp đồng thanh lý hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật; việc thanh lý hợp đồng thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu.

4. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, có thể xem xét, sửa đổi hợp đồng theo quy định tại pháp luật về đấu thầu và các quy định sau đây:

a) Việc sửa đổi các nội dung về tiến độ, khối lượng, giá chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện gói thầu ghi trong hợp đồng, trừ trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm;

b) Các bên tham gia hợp đồng đánh giá phương án dự kiến sửa đổi và thỏa thuận, thống nhất ký phụ lục sửa đổi hợp đồng. Đối với trường hợp sửa đổi hợp đồng về thông số kỹ thuật của hàng hóa thì phương án sửa đổi phải được đánh giá là tương đương hoặc tốt hơn so với thông số kỹ thuật của hàng hóa trong hợp đồng đã ký;

c) Trường hợp sửa đổi hợp đồng xuất phát từ yêu cầu của nhà thầu thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư tiền hành xác minh, làm rõ nguyên nhân để có phương án giải quyết phù hợp.

Điều 25. Nghiệm thu, cấp phát, theo dõi tài sản, hàng hóa, dịch vụ

1. Đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm về tính khách quan, minh bạch, trung thực và độ chính xác, đầy đủ của kết quả nghiệm thu; chỉ tổ chức nghiệm thu sau khi nhà thầu thực hiện hợp đồng bàn giao đúng và đầy đủ, cụ thể như sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu (bao gồm cả việc thiết lập, lắp đặt các hệ thống thiết bị, chuyển giao công nghệ, đào tạo, hướng dẫn sử dụng, vận hành máy móc, thiết bị và các nội dung khác đã thỏa thuận);

b) Giấy tờ, tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ theo quy định của hợp đồng.

2. Nghiệm thu đối với hàng hóa, dịch vụ không phải thi công lắp đặt, thiết lập hệ thống theo quy định của hợp đồng:

a) Kiểm tra số lượng và nội dung của hồ sơ, giấy tờ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa;

b) Kiểm tra số lượng, tình trạng, thông tin, thông số kỹ thuật của hàng hóa (dựa trên hàng hóa thực tế và các hồ sơ, giấy tờ kèm theo);

c) Kiểm tra toàn bộ lô hàng hoặc xác suất nhằm xác nhận hàng hóa hoạt động bình thường;

d) Xác nhận các nội dung đã được thực hiện theo quy định của hợp đồng và các nội dung cần thực hiện ngoài quy định của hợp đồng (nếu có);

đ) Lập biên bản nghiệm thu, có chữ ký xác nhận của các bên tham gia nghiệm thu.

3. Nghiệm thu hàng hóa là hệ thống thiết bị kỹ thuật phức tạp, đặc thù phải thi công cài đặt, thiết lập thành hệ thống:

a) Nghiệm thu hàng hóa trước khi đưa vào thi công cài đặt, thiết lập thành hệ thống thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này;

b) Kiểm tra hoạt động tổng thể của hệ thống thiết bị kỹ thuật sau khi được thi công cài đặt, thiết lập thành hệ thống;

c) Vận hành thử nghiệm hệ thống trong thời gian theo quy định của hợp đồng để đánh giá tính năng bảo đảm hệ thống hoạt động bình thường;

d) Lập biên bản nghiệm thu tổng thể, có chữ ký xác nhận của các bên tham gia nghiệm thu.

4. Cấp phát, theo dõi tài sản, hàng hóa mua sắm:

a) Sau khi tài sản, hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu theo hợp đồng, căn cứ quyết định trang bị của cấp có thẩm quyền, đơn vị mua sắm cấp phát cho đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật khác có liên quan; đồng thời xác định nguyên giá tài sản cố định hoặc giá trị hàng hóa theo giá tạm tính (giá quyết toán hợp đồng hoặc giá theo hóa đơn nhà thầu cung cấp). Trường hợp dự toán mua sắm được phê duyệt quyết toán sau thời điểm cấp phát, đơn vị mua sắm có trách nhiệm phân bổ các chi phí chung, chi phí khác của dự toán mua sắm vào giá trị tài sản, hàng hóa được hình thành qua mua sắm theo quy định để xác định giá trị chính thức của tài sản, hàng hóa và thông báo cho đơn vị quản lý, sử dụng thực hiện điều chỉnh giá trị đã ghi nhận theo quy định;

b) Căn cứ hồ sơ bàn giao, nghiệm thu, quyết định trang bị và các chứng từ có liên quan, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm thực hiện hạch toán

kế toán tái sản, hàng hóa được trang bị theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Mục 5

KIỂM SOÁT, CẤP PHÁT, THANH TOÁN KINH PHÍ MUA SẮM THEO DỰ TOÁN

Điều 26. Cấp phát, thanh toán kinh phí mua sắm

1. Việc quản lý, cấp phát, thanh toán kinh phí mua sắm được thực hiện theo đúng dự toán được giao, đúng nguồn kinh phí, điều kiện chi và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đối với từng nguồn kinh phí.

2. Hình thức cấp phát:

a) Đối với hình thức lệnh chi tiền, Cục Kế hoạch và tài chính đề nghị cấp có thẩm quyền cấp kinh phí về tái khoản tiền gửi của Bộ Công an để cấp cho đơn vị mua sắm thanh toán cho nhà thầu;

b) Đối với hình thức cấp phát để thanh toán bằng ngoại tệ, Cục Kế hoạch và tài chính đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Bộ Tài chính chuyển tiền về tài khoản của Bộ Công an để cấp cho chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu hoặc cấp trực tiếp cho nhà thầu theo đề nghị của Cục Kế hoạch và tài chính;

c) Đối với hình thức giao rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước thì căn cứ chỉ tiêu kế hoạch kinh phí được giao, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm về các nội dung rút dự toán và thanh toán bảo đảm theo quy định pháp luật.

3. Việc tạm ứng kinh phí mua sắm thực hiện theo hợp đồng và phù hợp với quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Việc cấp phát, thanh toán kinh phí mua sắm thực hiện theo giá trị hoặc tiến độ thực hiện hợp đồng.

Điều 27. Kiểm soát cấp phát, thanh toán kinh phí mua sắm

1. Cục Kế hoạch và tài chính thẩm định hồ sơ cấp phát, thanh toán kinh phí mua sắm theo giá trị hoặc tiến độ thực hiện hợp đồng; việc thẩm định thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thủ trưởng đơn vị mua sắm thực hiện kiểm tra hồ sơ, chứng từ và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ gửi thanh toán; việc kiểm soát chi, thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

3. Đơn vị mua sắm gửi Cục Kế hoạch và tài chính bản gốc hoặc bản sao y các tài liệu sau đây và chỉ gửi 01 lần cho đến khi hoàn thành mua sắm (trừ trường hợp có điều chỉnh, bổ sung):

a) Quyết định phê duyệt dự toán mua sắm;

b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

4. Đòi với từng lần đề nghị cấp phát, thanh toán kinh phí mua sắm, hồ sơ thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp phát, thanh toán kinh phí mua sắm của đơn vị mua sắm;

b) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

c) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ, văn bản sửa đổi hợp đồng (nếu có) kèm theo bảo đảm thực hiện hợp đồng. Đối với hợp đồng ủy thác nhập khẩu hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa nhập khẩu gửi kèm hợp đồng nhập khẩu do nhà thầu ký với đối tác nước ngoài có bản dịch Tiếng Việt được công chứng, xác nhận dịch thuật;

d) Giấy báo lãnh tiền tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, xác nhận tài khoản phong tỏa (nếu có), xác nhận tài khoản ký quỹ theo quy định;

đ) Hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến hợp đồng (nếu có).

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Kế hoạch và tài chính kiểm tra, kiểm soát hồ sơ cấp phát, thanh toán, nếu phát hiện khoản chi chưa thực hiện đúng quy định về mua sắm tài sản, hàng hóa trong Công an nhân dân hoặc khả năng dẫn đến lãng phí thì tạm dừng đề nghị cấp phát, thanh toán và có văn bản yêu cầu rà soát, hoàn thiện hồ sơ hoặc báo cáo lãnh đạo Bộ Công an để xin ý kiến chỉ đạo.

6. Thủ trưởng đơn vị mua sắm chỉ đạo việc quản lý, sử dụng ngân sách cuối năm và thực hiện chuyển nguồn theo quy định; trong quá trình thực hiện, tính toán khả năng giải ngân, nếu không thực hiện hết chỉ tiêu kinh phí được giao phải báo cáo kịp thời về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) để có phương án điều chỉnh kinh phí mua sắm theo quy định.

7. Công tác lập báo cáo quyết toán kinh phí mua sắm hằng năm thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Công an.

Mục 6

MUA SẮM TẬP TRUNG; MUA THUỐC, HÓA CHẤT, VẬT TƯ, THIẾT BỊ Y TẾ

Điều 28. Mua sắm tập trung

1. Mua sắm tập trung trong Công an nhân dân là việc tổ chức mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung thông qua đơn vị mua sắm tập trung nhằm bảo đảm tính đồng bộ, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu của lực lượng Công an nhân dân. Việc mua sắm tập trung được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung là hàng hóa, dịch vụ cần mua sắm với số lượng lớn, chủng loại tương tự ở một hoặc nhiều Công an các đơn vị, địa phương, trừ trường hợp đã thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia.

3. Căn cứ nhu cầu thực tế, tiêu chuẩn, định mức trang bị và quy định của pháp luật, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ mua sắm tập trung trong Công an nhân dân (danh mục mua sắm tập trung cấp Bộ). Danh mục xác định rõ tên hàng hóa, dịch vụ; phạm vi áp dụng; cách thức thực hiện (ký thỏa thuận khung hoặc ký hợp đồng trực tiếp) đối với từng hàng hóa, dịch vụ.

4. Bộ trưởng Bộ Công an giao đơn vị thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung (đơn vị mua sắm tập trung) đối với danh mục quy định tại khoản 3 Điều này. Đơn vị mua sắm tập trung chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định pháp luật hiện hành. Trường hợp đơn vị mua sắm tập trung không đủ năng lực thì được thuê tư vấn đấu thầu thực hiện việc lựa chọn nhà thầu theo quy định.

5. Trình tự thực hiện mua sắm tập trung:

a) Công an các đơn vị, địa phương có nhu cầu lập, tổng hợp nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung và gửi đơn vị mua sắm tập trung theo thời hạn công bố;

b) Đơn vị mua sắm tập trung tổng hợp nhu cầu, lập và trình duyệt dự toán mua sắm chi tiết, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; ký hợp đồng theo quy định pháp luật;

c) Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán mua sắm chi tiết, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; ký kết, thực hiện hợp đồng; nghiệm thu, cấp phát, theo dõi tài sản, hàng hóa; cấp phát, thanh toán kinh phí được thực hiện theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

6. Việc mua sắm tập trung thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật chuyên ngành khác có quy định về mua sắm tập trung, Công an các đơn vị, địa phương được thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành đó.

Điều 29. Lập nhu cầu sử dụng và tổ chức mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế

1. Căn cứ nhu cầu thực tế, các bệnh viện và các đơn vị dự toán cơ sở y tế trực thuộc chủ động lập nhu cầu sử dụng thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế của đơn vị, gồm:

a) Thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm thuộc danh mục mua sắm tập trung, đàm phán giá;

b) Thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế do đơn vị trực tiếp tổ chức mua sắm theo quy định pháp luật.

2. Việc mua thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế cho y tế cơ quan, y tế cơ sở giam giữ, y tế cơ sở cai nghiện ma túy phải báo đảm phục vụ sơ cấp cứu, xử trí ban đầu khi bị tai nạn thương tích, bệnh lý thông thường, bệnh mãn tính, phù hợp với quy mô bệnh tật, trình độ, chuyên môn, các dịch vụ kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt triển khai thực hiện.

3. Đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm tổ chức mua thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm kịp thời đáp ứng yêu cầu điều trị đối với thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm ngoài danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm mua sắm tập trung và đàm phán giá, trừ một số trường hợp theo quy định của Bộ Y tế và theo thông báo bằng văn bản của đơn vị mua sắm tập trung, đàm phán giá.

Đối với việc mua thuốc, thiết bị y tế để bàn lé tại nhà thuốc trong khuôn viên của đơn vị, mua vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ thì đơn vị được tự quyết định mua sắm trên cơ sở báo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.

4. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi tiết mua thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 18, Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Thông tư này và quy định pháp luật khác có liên quan.

Đối với việc mua thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế của bệnh viện trực thuộc Bộ Công an, trường hợp cần thiết, Giám đốc bệnh viện lấy ý kiến tham gia của Cục Y tế trước khi phê duyệt dự toán mua sắm chi tiết theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư này; Cục Y tế có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.

5. Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu; ký kết, quản lý, theo dõi thực hiện hợp đồng; thanh toán, quyết toán hợp đồng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu thầu và quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Trường hợp thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm thuộc danh mục mua sắm tập trung, đàm phán giá trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt nhưng chưa có kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc không lựa chọn được nhà thầu trúng thầu hoặc khi thỏa thuận khung của gói thầu mua sắm tập trung hết hiệu lực, trên cơ sở thông báo của đơn vị được giao nhiệm vụ mua sắm tập trung, đàm phán giá, đơn vị mua sắm được chủ động tổ chức mua sắm theo quy định của pháp luật về đầu thầu để đáp ứng nhu cầu sử dụng trong thời gian tối đa 12 tháng và được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo giá hợp đồng, phù hợp với quy định pháp luật.

Mục 7**CUNG CẤP, ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẦU THẦU VÀ ĐẦU THẦU QUA MẠNG****Điều 30. Cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu**

1. Công an các đơn vị, địa phương khi soạn thảo văn bản, tài liệu của dự án đầu tư, dự toán mua sắm, gói thầu phải căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước để xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước để có phương án quản lý, bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định.

2. Đơn vị mua sắm có trách nhiệm cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định pháp luật về đấu thầu, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đối với các dự án đầu tư, dự toán mua sắm, gói thầu có chứa thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước, đơn vị mua sắm không cung cấp, đăng tải thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

4. Thời hạn, quy trình, thông tin, trách nhiệm cung cấp, đăng tải thông tin thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu. Đơn vị mua sắm, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các thông tin do mình cung cấp, đăng tải.

Điều 31. Đấu thầu qua mạng

1. Đơn vị mua sắm phải tổ chức lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo lộ trình và quy trình quy định pháp luật về đấu thầu, trừ các trường hợp không phải tổ chức đấu thầu qua mạng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với dự án đầu tư, chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng được xác định, hạch toán trong chi phí của dự án theo quy định của pháp luật; đối với dự toán mua sắm, đơn vị mua sắm xác định các chi phí liên quan khi lập dự toán mua sắm chi tiết theo quy định pháp luật về đấu thầu.

Mục 8**GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ; KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN****Điều 32. Giám sát, đánh giá đầu tư; kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu**

1. Việc tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư được thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công và quy định về giám sát, đánh giá đầu tư trong Công an nhân dân.

2. Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra công tác đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân định kỳ hàng

năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của lãnh đạo Bộ Công an; chủ trì, tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu theo chức năng và theo yêu cầu của lãnh đạo Bộ Công an đối với các gói thầu có giá trị lớn, có tính chất đặc thù, yêu cầu cao về kỹ thuật, gói thầu thực hiện theo hình thức chỉ định thầu và gói thầu có nhiều kiến nghị, phản ánh.

3. Thủ trưởng đơn vị mua sắm tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đấu thầu đối với những gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt, nếu thấy cần thiết.

4. Nội dung, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát, trách nhiệm của cá nhân, đơn vị kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan. Kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động đấu tư, mua sắm được Cục Kế hoạch và tài chính tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ Công an.

Điều 33. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Cục Kế hoạch và tài chính có trách nhiệm:

a) Là đơn vị đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Công an quản lý hoạt động đấu tư, mua sắm trong Công an nhân dân;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát Công an các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện hoạt động đấu tư, mua sắm theo quy định của pháp luật và Thông tư này;

c) Tổng hợp nhu cầu, đăng ký, thông báo danh mục đấu tư; chủ trì thẩm định các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Công an;

d) Đề nghị cấp kinh phí, thẩm định và kiểm soát việc cấp phát, thanh toán kinh phí mua sắm theo quy định;

đ) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc của Công an các đơn vị, địa phương trong hoạt động đấu tư, mua sắm để giải đáp hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết;

e) Thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công của lãnh đạo Bộ.

2. Cục Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan báo cáo, đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn việc đấu tư, mua sắm bảo đảm thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế trong Công an nhân dân.

3. Công an các đơn vị, địa phương (đơn vị mua sắm, chủ đấu tư) có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện hoạt động đấu tư, mua sắm thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định của pháp luật và Thông tư này; tự tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện;

b) Lập, tổng hợp nhu cầu; lập, trình duyệt, phê duyệt theo thẩm quyền đối với chủ trương đấu tư, dự án đấu tư, thiết kế và dự toán, dự toán mua sắm chi tiết, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết và thực hiện hợp đồng, nghiệm thu, cấp phát, theo dõi tái sản, hàng hóa, dịch vụ;

c) Lập, gửi hồ sơ đề nghị cấp phát, thanh toán về Cục Kế hoạch và tài chính để tổng hợp, theo dõi theo quy định; chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ;

d) Thực hiện chế độ báo cáo, giải trình; báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm:

a) Các đơn vị chức năng thuộc Bộ Công an tham gia thẩm định, cho ý kiến về nội dung thuộc lĩnh vực được giao theo quy định của Thông tư này;

b) Tổ chuyên gia, hội đồng thẩm định, tổ thẩm định, nhà thầu và tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động đấu thầu thực hiện trách nhiệm theo quy định của pháp luật về đấu tư công, đấu thầu, bảo vệ bí mật nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thông tư số 35/2025/TT-BCA ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đấu tư, mua sắm trong Công an nhân dân hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 35. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án đấu tư, dự toán mua sắm chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đấu tư, dự án đấu tư, kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có), thiết kế chi tiết và dự toán, dự toán mua sắm chi tiết, kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được quyết định, phê duyệt.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc điều chỉnh các nội dung đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt và thực hiện các nội dung chưa triển khai đối với dự án đấu tư, dự toán mua sắm chi tiết phải phù hợp với quy định của Thông tư này.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp và đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra việc thi hành Thông tư này.

2. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) để có hướng dẫn kịp thời. *g*

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Lưu: VT, V03, H01.



Đại tướng Lương Tam Quang